

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 31/7/2024 với mã số doanh nghiệp 5500271984 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT - STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 31/7/2024 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: B44 - TT14 Đô thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên Sàn UpCOM với mã NED.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Ngư	Chủ tịch
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên
Ông Phí Văn Thịnh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Văn Hồ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên
Ông Trần Văn Phúc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Trần Văn Ngư
Chủ tịch HĐQT

Sơn La, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Số: 394/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc, được lập ngày 25 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.6 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong kỳ, Ban Điều hành đánh giá việc thay đổi thời gian trích khấu hao của một số tài sản trên cơ sở thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản và phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty. Việc thay đổi thời gian trích khấu hao của các tài sản trên ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 là khoảng 12,2 tỷ đồng (tăng chi phí khấu hao so với cùng kỳ năm 2025).

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề trên.



Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2026

Nguyễn Thị Tiến

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2026-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+160)	100		78.765.974.254	86.209.269.049
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.273.472.061	68.942.186.036
1. Tiền	111		1.273.472.061	5.942.186.036
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	63.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		61.891.616.438	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5.9	61.891.616.438	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.613.525.913	15.478.184.259
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	7.051.065.429	9.364.052.533
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		337.378.496	104.279.800
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.3	1.225.081.988	6.009.851.926
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	1.546.669.140	1.542.112.717
1. Hàng tồn kho	141		1.546.669.140	1.542.112.717
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		440.690.702	246.786.037
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.5	440.690.702	246.786.037
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260+270)	200		529.344.083.948	589.175.181.248
II. Tài sản cố định	220		380.219.628.668	399.373.670.336
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	380.219.628.668	399.373.670.336
- Nguyên giá	222		610.101.783.739	610.101.783.739
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(229.882.155.071)	(210.728.113.403)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		360.000.000	360.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(360.000.000)	(360.000.000)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		817.582.400	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	5.8	817.582.400	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.9	141.654.877.976	182.916.324.379
1. Đầu tư vào Công ty con	261		114.900.000.000	109.900.000.000
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	262		30.542.190.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		14.080.000.000	90.809.860.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(17.867.312.024)	(17.793.535.621)
VII. Tài sản dài hạn khác	270		6.651.994.904	6.885.186.533
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.5	6.651.994.904	6.885.186.533
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		608.110.058.202	675.384.450.297

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND (Trình bày lại)
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		104.187.346.995	171.210.996.751
I. Nợ ngắn hạn	310		45.072.946.995	96.656.596.751
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	5.035.514.522	4.869.854.383
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.11	3.248.352.000	3.477.352.000
4. Thuế và các khoản phải nộp	314	5.12	1.198.672.077	3.113.656.127
5. Nhà nước ngắn hạn	315		710.606.345	1.738.564.261
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.13	90.426.736	195.707.710
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.14	857.219.984	64.115.156.439
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.15	31.785.000.000	17.500.000.000
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.147.155.331	1.646.305.831
II. Nợ dài hạn	330		59.114.400.000	74.554.400.000
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.15	59.114.400.000	74.554.400.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.16	503.922.711.207	504.173.453.546
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		405.000.000.000	405.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		405.000.000.000	405.000.000.000
2. Thặng dư vốn	412		2.545.454.545	2.545.454.545
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		96.377.256.662	96.627.999.001
- LNST chưa phân phối lũy kế	420a		95.493.933.301	58.825.809.016
- đến cuối kỳ trước				
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		883.323.361	37.802.189.985
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		608.110.058.202	675.384.450.297

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Đoàn Văn Hiếu



Đoàn Văn Hiếu



Trần Văn Ngự

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	31.707.421.423	29.765.023.650
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		31.707.421.423	29.765.023.650
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	6.2	26.295.354.317	13.296.319.141
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.412.067.106	16.468.704.509
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	2.602.204.717	2.905.004.901
8. Chi phí tài chính	23	6.4	3.919.702.921	4.308.291.369
Trong đó: Chi phí đi vay	24		3.819.929.053	4.155.527.913
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	3.181.915.838	3.585.063.959
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+22-(23+25+26)}	30		912.653.064	11.480.354.082
12. Thu nhập khác	31	6.6	670.297	-
13. Chi phí khác	32	6.6	30.000.000	7.487.161
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(29.329.703)	(7.487.161)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		883.323.361	11.472.866.921
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		883.323.361	11.472.866.921

Người lập



Đoàn Văn Hiếu

Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu

Sơn La, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Trần Văn Ngự

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		883.323.361	11.472.866.921
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		19.154.041.668	6.783.360.674
- Các khoản dự phòng	03		73.776.403	30.998.649
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(15.411.123)	121.764.807
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(2.577.533.547)	(2.905.004.901)
- Chi phí đi vay	06		3.819.929.053	4.155.527.913
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.338.125.815	19.659.514.063
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.698.213.415	(7.618.196.140)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.556.423)	(49.252.633)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.132.886.736)	3.365.954.252
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		39.286.964	1.114.809.333
- Chi phí đi vay đã trả	14		(3.830.741.237)	(3.566.233.354)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.278.786.573)	(4.170.297.840)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(606.818.840)	(1.020.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.221.836.385	7.716.297.681
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(817.582.400)	(4.174.596.219)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(60.000.000.000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(35.542.190.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		14.000.860.000	53.950.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		852.362.040	1.283.721.314
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(81.506.550.360)	51.059.125.095
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.155.000.000)	(17.323.260.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(229.000.000)	(19.370.812.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.384.000.000)	(36.694.072.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(62.668.713.975)	22.081.350.776
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	68.942.186.036	18.633.948.064
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	6.273.472.061	40.715.298.840

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Chức tích HĐQT

Đoàn Văn Hiếu

Đoàn Văn Hiếu

Trần Văn Ngư

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La ngày 31/7/2024 với mã số doanh nghiệp 5500271984 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT - STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 31/7/2024 là: 405.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: B44 - TT14 Đô thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng người lao động của Công ty tại ngày 30/6/2026 là 46 người (Tại ngày 31/12/2025 là 42 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh:

- Đầu tư xây lắp công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình điện;
- Và một số ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La	Kinh doanh điện năng	99,91%	99,91%	99,91%
Công ty Cổ phần Thủy điện Ayun 2	Thôn Groi, Xã Lơ Pang, Tỉnh Gia Lai	Truyền tải và phân phối điện	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Thái Dương Bảo	278 Đường Trần Phú, Phường Đắk Cầm, Tỉnh Quảng Ngãi	Sản xuất điện	36,82%	36,82%	36,82%
Công ty Cổ phần Thái Dương Tây	278 Đường Trần Phú, Phường Đắk Cầm, Tỉnh Quảng Ngãi	Sản xuất điện	36,82%	36,82%	36,82%
Công ty Cổ phần Thái Dương Bắc	278 Đường Trần Phú, Phường Đắk Cầm, Tỉnh Quảng Ngãi	Sản xuất điện	36,82%	36,82%	36,82%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT/BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng, giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị ghi sổ sau khi trừ dự phòng tổn thất (nếu có). Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ hoặc khoản đầu tư vào đơn vị khác bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là Công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có Công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy Công ty không có khả năng thu hồi hoặc khó có khả năng thu hồi đối với các khoản nợ phải thu của Công ty theo các quy định kế toán hiện hành.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Hệ thống đập Nhà máy Thủy điện	47 - 48
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 48
Tổ máy phát điện	20
Máy móc thiết bị	03 - 48
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Ban Điều hành Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình như trình bày tại Thuyết minh 5.6. Ban Điều hành tin rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu so với thời gian khấu hao trước đây, chi phí khấu hao trong 06 tháng đầu năm 2026 sẽ tăng với số tiền là 12.246.567.462 VND. Thời gian khấu hao thay đổi như sau:

	<u>Năm 2025</u> <u>(Năm)</u>	<u>Năm 2026</u> <u>(Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 48	05 - 48
Tổ máy phát điện	48	20
Máy móc thiết bị	03 - 48	03 - 48

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 60 tháng.

Chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán, Phải trả khác

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- **Phải trả người bán:** Bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản của nhà cung cấp hoặc người bán (là đơn vị độc lập với người mua). Khoản phải trả người bán bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu mua lại và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu mua lại được ghi giảm thặng dư vốn.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận dựa trên “Biên bản xác nhận chỉ số công tơ và sản lượng điện năng” hàng tháng với Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu tài chính và thu nhập khác

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí sau:

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh điện năng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	14.183.971	151.271.709
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	1.259.288.090	5.790.914.327
Tương đương tiền (**)	5.000.000.000	63.000.000.000
Cộng	6.273.472.061	68.942.186.036

(*) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn:

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	7.627.737	1.007.172.238
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	1.212.607.320	4.766.101.451
Đối tượng khác	39.053.033	17.640.638
Cộng	1.259.288.090	5.790.914.327

(**) Gồm khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 07 ngày tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với lãi suất 0,5%/năm.

5.2 Phải thu khách hàng

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	7.051.065.429	-	9.364.052.533	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.051.065.429	-	9.364.052.533	-
Cộng	7.051.065.429	-	9.364.052.533	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.3 Phải thu khác

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	1.225.081.988	-	6.009.851.926	-
Phải thu của người lao động (*)	1.187.795.183	-	5.807.922.543	-
Ký cược, ký quỹ	7.000.000	-	7.000.000	-
Phải thu lãi chậm thanh toán thanh lý khoản đầu tư	-	-	166.444.931	-
Phải thu khác	30.286.805	-	28.484.452	-
Cộng	1.225.081.988	-	6.009.851.926	-

(*) Tiền tạm ứng cán bộ nhân viên là khoản tiền Công ty ứng cho nhân viên để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hoặc giải quyết công việc được giao theo quy chế quản lý tài chính của Công ty.

5.4 Hàng tồn kho

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	352.417.278	-	374.661.278	-
Công cụ, dụng cụ	1.194.251.862	-	1.167.451.439	-
Cộng	1.546.669.140	-	1.542.112.717	-

5.5 Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	440.690.702	246.786.037
Công cụ dụng cụ	-	3.553.424
Chi phí bảo hiểm công trình	287.690.698	155.457.611
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	11.274.998
Chi phí chờ phân bổ khác	153.000.004	76.500.004
Dài hạn	6.651.994.904	6.885.186.533
Phí tư vấn giá trị Rers (Dự án Nậm Công, Nậm Sỏi)	602.394.557	659.765.465
Chi phí trùng tu sửa chữa lớn các nhà máy	2.870.889.042	3.743.469.414
Chi phí gia công thiết bị cơ khí phục vụ NMTĐ Nậm Công, Nậm Sỏi	427.875.709	535.626.037
Sửa chữa bánh xe công tác, lưới chắn rác	1.249.699.501	-
Chi phí cấp Giấy phép sử dụng nước mặt	80.959.624	118.742.554
Chi phí chờ phân bổ khác	1.420.176.471	1.827.583.063
Cộng	7.092.685.606	7.131.972.570

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2026	420.422.298.524	186.005.567.533	2.702.212.727	971.704.955	610.101.783.739
Số dư tại 30/06/2026	420.422.298.524	186.005.567.533	2.702.212.727	971.704.955	610.101.783.739
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2026	140.052.483.387	68.547.936.937	1.155.988.124	971.704.955	210.728.113.403
Khấu hao trong kỳ	6.765.142.848	12.163.714.422	225.184.398	-	19.154.041.668
Số dư tại 30/06/2026	146.817.626.235	80.711.651.359	1.381.172.522	971.704.955	229.882.155.071
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2026	280.369.815.137	117.457.630.596	1.546.224.603	-	399.373.670.336
Tại 30/06/2026	273.604.672.289	105.293.916.174	1.321.040.205	-	380.219.628.668

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2026 là 376.085.885.170 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 394.869.175.120 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/6/2026 là 10.308.592.191 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 9.948.592.191 đồng).

(*) Danh mục tài sản cố định hữu hình có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên:

STT	Loại và tên tài sản	Tại ngày 30/6/2026			Tại ngày 01/01/2026		
		Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Kênh dẫn ra	107.353.082.011	37.810.774.977	69.542.307.034	107.353.082.011	35.281.963.815	72.071.118.196
2	Tổ máy tại Nhà máy Thủy điện Nậm Công 4	72.746.279.851	29.653.960.461	43.092.319.390	72.746.279.851	23.908.317.879	48.837.961.972
3	Tổ máy tại Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	65.160.009.807	26.459.535.363	38.700.474.444	65.160.009.807	21.411.647.391	43.748.362.416
	Tổng cộng	245.259.371.669	93.924.270.801	151.335.100.868	245.259.371.669	80.601.929.085	164.657.442.584



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

(**) Công ty gửi Công văn cho Cơ quan Thuế tỉnh Sơn La về việc thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định kể từ ngày 01/01/2026. Chi tiết danh mục tài sản cố định thay đổi như sau:

STT	Tên tài sản cố định	Nguyên giá	Ngày bắt đầu tính khấu hao	Thời gian trích khấu hao lần đầu (tháng)	Thời gian trích khấu hao thay đổi (tháng)	Thời gian đã trích khấu hao (tháng) đến 31/12/2025	Thời gian trích khấu hao còn lại (tháng) đến 31/12/2025	Giá trị KH tháng trước điều chỉnh	Giá trị còn lại đến hết 31/12/2025	Giá trị khấu hao tháng sau điều chỉnh	Chênh lệch khấu hao tháng sau khi điều chỉnh	Ghi chú
I	Nhà máy thủy điện Nậm Công	188.168.235.410						327.495.914	126.326.090.361	1.468.858.076	1.141.362.162	
1	Tổ máy	72.746.279.851	01-11-2010	575	240	189	51	126.610.686	48.837.961.972	957.607.097	830.996.411	
2	Hệ thống SCADA (Hệ thống giám sát)	5.759.344.277	01-11-2010	575	240	189	51	10.023.805	3.866.515.757	75.814.034	65.790.229	
3	Kênh dẫn ra	107.353.082.011	01-11-2010	575	360	189	171	186.841.821	72.071.118.196	421.468.527	234.626.706	
4	Trạm phân phối điện OPY (ORU)	2.309.529.271	01-11-2010	575	300	189	111	4.019.602	1.550.494.436	13.968.418	9.948.816	
II	Nhà máy thủy điện Nậm Sỏi	97.612.918.649						170.791.296	65.537.211.392	1.070.523.711	899.732.415	
5	Tổ máy	65.160.009.807	01-11-2010	572	240	188	52	114.009.115	43.748.362.416	841.314.662	727.305.547	
6	Hệ thống SCADA (Hệ thống giám sát) nhập ngoại	5.011.758.210	01-11-2010	572	240	188	52	8.768.969	3.364.889.235	64.709.408	55.940.439	
7	Trạm phân phối điện OPY (ORU)	1.339.679.594	01-11-2010	572	300	188	112	2.344.010	899.459.440	8.030.888	5.686.878	
8	Đường dây 35kV	26.101.471.038	01-11-2010	572	300	188	112	45.669.202	17.524.500.301	156.468.753	110.799.551	
	Tổng cộng:	285.781.154.059						498.287.210	191.863.301.753	2.539.381.787	2.041.094.577	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm tin học	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2026	360.000.000	360.000.000
Số dư tại 30/06/2026	360.000.000	360.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2026	360.000.000	360.000.000
Số dư tại 30/06/2026	360.000.000	360.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2026	-	-
Tại 30/06/2026	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 360.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 360.000.000 đồng).

(*) Danh mục tài sản cố định vô hình có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định vô hình trở lên:

STT	Loại và tên tài sản	Tại ngày 30/6/2026			Tại ngày 01/01/2026		
		Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Phần mềm SCADA						
	NMTĐ Nậm Công,	360.000.000	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000	-
	Nậm Sỏi						
	Tổng cộng	360.000.000	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000	-

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Xây dựng cơ bản dở dang				
Tường chắn kênh xả và kè sân	817.582.400	817.582.400	-	-
NMTĐ Nậm Công				
Cộng	817.582.400	817.582.400	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc tính ngày 30/6/2026

- 5.9 Các khoản đầu tư tài chính
- a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2026 (VND)				01/01/2026 (VND)			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị
Ngắn hạn								
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>								
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (*)	61.891.616.438	61.891.616.438	-	-	-	-	-	-
<i>Lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-	-	-
	1.891.616.438	1.891.616.438	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	1.891.616.438	1.891.616.438	-	-	-	-	-	-
Cộng	61.891.616.438	61.891.616.438	-	-	-	-	-	-

(*) Gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất từ 8,3%/năm đến 8,6%/năm.

- b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2026 (VND)				01/01/2026 (VND)			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị
Tỷ lệ								
Vốn nắm giữ								
Quyền biểu quyết								
Đầu tư vào Công ty con								
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	114.900.000.000	97.032.687.976	(17.867.312.024)	109.900.000.000	92.106.464.379	(17.793.535.621)		
Công ty Cổ phần Thủy điện Ayun 2 (1)	109.900.000.000	92.032.687.976	(17.867.312.024)	109.900.000.000	92.106.464.379	(17.793.535.621)		
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết								
Công ty Cổ phần Thái Dương Bảo (2)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thái Dương Bảo (2)	30.542.190.000	30.542.190.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thái Dương Tây (3)	10.383.240.000	10.383.240.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thái Dương Bắc (4)	10.217.550.000	10.217.550.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thái Dương Bắc (4)	9.941.400.000	9.941.400.000	-	-	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	14.030.000.000	14.030.000.000	-	-	90.809.860.000	90.809.860.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc (5)	-	-	-	-	76.729.860.000	76.729.860.000	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường	14.080.000.000	14.080.000.000	-	-	14.080.000.000	14.080.000.000	-	-
Cộng	159.522.190.000	141.654.877.976	(17.867.312.024)	200.709.860.000	182.916.324.379	(17.793.535.621)		

227
NG
PH
TU
RIE
Y B
A
107
GT
HH
TOA
ETM
NO

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

- (1) Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 15/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện Ayun 2. Giá trị góp vốn 84.000.000.000 VND tương đương 70% Vốn điều lệ.
- (2) Gồm các giao dịch:
- Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 23/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc về việc thông qua phương án đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Thái Dương Bảo đột 1. Công ty nhận chuyển nhượng 282.750 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thái Dương Bảo tương đương 18,85% vốn điều lệ từ Ông Trần Văn Trường với giá trị chuyển nhượng là 5.315.700.000 đồng (Tương ứng 18.800 đồng/cổ phần).
 - Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 08/6/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc về việc thông qua phương án đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Thái Dương Bảo đột 2. Công ty nhận chuyển nhượng 269.550 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thái Dương Bảo tương đương 17,97% vốn điều lệ từ Ông Nguyễn Tuấn Anh với giá trị chuyển nhượng là 5.067.540.000 đồng (Tương ứng 18.800 đồng/cổ phần).
- (3) Gồm các giao dịch:
- Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 23/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc về việc thông qua phương án đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Thái Dương Tây đột 1. Công ty nhận chuyển nhượng 282.750 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thái Dương Tây tương đương 18,85% vốn điều lệ từ Ông Trần Văn Trường với giá trị chuyển nhượng là 5.230.875.000 đồng (Tương ứng 18.500 đồng/cổ phần).
 - Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 08/6/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc về việc thông qua phương án đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Thái Dương Tây đột 2. Công ty nhận chuyển nhượng 269.550 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thái Dương Tây tương đương 17,97% vốn điều lệ từ Ông Nguyễn Tuấn Anh với giá trị chuyển nhượng là 4.986.675.000 đồng (Tương ứng 18.500 đồng/cổ phần).
- (4) Gồm các giao dịch:
- Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 23/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc về việc thông qua phương án đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Thái Dương Bắc đột 1. Công ty nhận chuyển nhượng 282.750 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thái Dương Bắc tương đương 18,85% vốn điều lệ từ Ông Trần Văn Trường với giá trị chuyển nhượng là 5.089.500.000 đồng (Tương ứng 18.000 đồng/cổ phần).
 - Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 08/6/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc về việc thông qua phương án đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Thái Dương Bắc đột 2. Công ty nhận chuyển nhượng 269.550 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thái Dương Bắc tương đương 17,97% vốn điều lệ từ Ông Nguyễn Tuấn Anh với giá trị chuyển nhượng là 4.851.900.000 đồng (Tương ứng 18.000 đồng/cổ phần).
- (5) Chuyển nhượng 3.690.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc tương đương 18,40% vốn điều lệ cho ông Trần Văn Huyền với giá trị chuyển nhượng là 76.792.860.000 đồng (Tương ứng 20.794 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 10-1/NQ-HĐQT ngày 05/7/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc. Hợp đồng chuyển nhượng đã được thanh lý tại ngày 03/4/2026.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.10 Phải trả người bán

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	5.035.514.522	4.869.854.383
Công ty TNHH CN nặng Quảng Phát Nam Ninh	2.683.564.026	2.692.854.307
Swiss Carbon Assets Ltd	1.768.048.932	1.774.169.774
Phải trả người bán khác	583.901.564	402.830.302
Cộng	5.035.514.522	4.869.854.383
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	2.683.564.026	2.692.854.307
Công ty TNHH CN nặng Quảng Phát Nam Ninh	2.683.564.026	2.692.854.307
Cộng	2.683.564.026	2.692.854.307

5.11 Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận (*)	3.248.352.000	3.477.352.000

(*) Cổ tức phải trả là một phần cổ tức của các năm 2020, 2021, 2022 chưa được trả của các cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và chưa đến trực tiếp Công ty làm thủ tục nhận cho đến hiện tại.

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/06/2026 VND
Phải nộp	3.113.656.127	4.601.129.973	6.516.114.023	1.198.672.077
Ngắn hạn	3.113.656.127	4.601.129.973	6.516.114.023	1.198.672.077
Thuế giá trị gia tăng	597.230.712	1.882.426.399	1.987.133.882	492.523.229
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.278.786.573	-	1.278.786.573	-
Thuế thu nhập cá nhân	72.322.989	205.672.738	159.799.631	118.196.096
Thuế tài nguyên	398.392.113	1.553.993.684	1.649.112.225	303.273.572
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	744.526.440	959.037.152	1.418.884.412	284.679.180
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	22.397.300	-	22.397.300	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.13 Chi phí phải trả

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	90.426.736	195.707.710
Chi phí lãi vay	45.954.697	56.766.881
Các khoản khác	44.472.039	138.940.829
Cộng	90.426.736	195.707.710

5.14 Phải trả khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Ngắn hạn	857.219.984	64.115.156.439
Kinh phí công đoàn	358.733.041	348.780.606
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	62.729.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	498.486.943	1.037.375.833
Cộng	857.219.984	64.115.156.439

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công

Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NC-HBTD ngày 08/9/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01/2024/1253105/SDBS ngày 30/8/2024 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 183.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự Án Thủy điện Nậm Công;
- Thời hạn vay: 228 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 06 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Công là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Công và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 275.000.000.000 VND. Trong đó, phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

	Động sản VND	Bất động sản VND
Ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	36.400.000.000	117.600.000.000
- CN Sơn La (56%)		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	28.600.000.000	92.400.000.000
- CN Ba Đình (44%)		
Cộng	65.000.000.000	210.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi

Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NS-HĐTD ngày 08/9/2009 và Phụ lục hợp đồng số 03/2024/1253105/SĐBS ngày 30/8/2024 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối và Hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTD ngày 29/3/2013 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD là 167.000.000.000 VND; Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTD là 10.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Sỏi;
- Thời hạn vay: 234 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 06 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Sỏi là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Sỏi và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 225.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

Ngân hàng	Động sản VND	Bất động sản VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	23.400.000.000	93.600.000.000
- CN Sơn La (52%)		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	21.600.000.000	86.400.000.000
- CN Ba Đình (48%)		
Cộng	45.000.000.000	180.000.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	405.000.000.000	2.545.454.545	79.908.162.796	487.453.617.341
Lãi trong năm trước	-	-	37.802.189.985	37.802.189.985
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(832.353.780)	(832.353.780)
Chia cổ tức	-	-	(20.250.000.000)	(20.250.000.000)
Số dư tại 01/01/2026	405.000.000.000	2.545.454.545	96.627.999.001	504.173.453.546
Lãi trong kỳ này	-	-	883.323.361	883.323.361
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(1.134.065.700)	(1.134.065.700)
Số dư tại 30/6/2026	405.000.000.000	2.545.454.545	96.377.256.662	503.922.711.207

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/3/2026 trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 1.134.065.700 VND.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ông Trần Văn Ngu	139.378.500.000	139.378.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An Khánh Hưng	63.170.000.000	63.170.000.000
Các cổ đông khác	202.451.500.000	202.451.500.000
Cộng	405.000.000.000	405.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và cổ tức lợi nhuận đã chia

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	405.000.000.000	405.000.000.000
Vốn góp đầu kỳ	-	-
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	405.000.000.000	405.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	-	20.250.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	30/6/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.17 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ

a. Tài sản của Công ty sử dụng để cầm cố, thế chấp:

Loại tài sản	Khoản mục	Nguyên giá tại 30/6/2026	Giá trị còn lại tại 30/6/2026	Đối tượng nhận thế chấp/cầm cố	Mục đích bảo đảm	Thời hạn
Nhà cửa vật kiến trúc	Tài sản cố định hữu hình	417.344.906.143	270.822.374.830	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Khoản vay trung dài hạn	228 tháng - 234 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của các hợp đồng tín dụng
Máy móc thiết bị		185.971.467.533	105.263.510.340			
Dụng cụ quản lý		971.704.955	-			

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	31.707.421.423	29.765.023.650
Cộng	<u>31.707.421.423</u>	<u>29.765.023.650</u>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Giá vốn điện thương phẩm	26.295.354.317	13.296.319.141
Cộng	<u>26.295.354.317</u>	<u>13.296.319.141</u>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi	2.412.705.252	550.665.150
Lãi chậm thanh toán thanh lý khoản đầu tư	174.088.342	2.354.339.751
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	15.411.123	-
Cộng	<u>2.602.204.717</u>	<u>2.905.004.901</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền vay	3.819.929.053	4.155.527.913
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	121.764.807
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào đơn vị khác	73.776.403	30.998.649
Chi phí tài chính khác	25.997.465	-
Cộng	3.919.702.921	4.308.291.369

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.181.915.838	3.585.063.959
Chi phí nhân viên quản lý	1.760.889.294	1.386.246.507
Chi phí vật liệu quản lý	324.870.808	361.992.554
Chi phí đồ dùng văn phòng	20.843.004	497.843.098
Chi phí khấu hao TSCĐ	238.145.544	197.104.214
Thuế phí và lệ phí	60.599.812	53.391.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	573.626.080	415.976.382
Chi phí bằng tiền khác	202.941.296	672.509.279
Cộng	3.181.915.838	3.585.063.959

6.6 Thu nhập khác, chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Thu nhập khác	670.297	-
Thu nhập khác	670.297	-
Cộng	670.297	-
Chi phí khác	30.000.000	7.487.161
Chi phí khác	30.000.000	7.487.161
Cộng	(29.329.703)	(7.487.161)
Lợi nhuận khác	(28.659.406)	(7.487.161)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	883.323.361	11.472.866.921
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm	(883.323.361)	(11.472.866.921)
Chi phí không được trừ	30.000.000	7.487.161
Chi phí lãi vay không được trừ các kỳ trước chuyển sang (*)	(913.323.361)	(11.480.354.082)
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế tính theo thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

(*) Là phần Chi phí lãi vay không được trừ các kỳ trước chuyển sang theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/2/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	775.656.200	780.947.704
Chi phí nhân công	6.109.414.849	5.084.814.629
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.154.041.668	6.783.360.674
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.432.967.118	2.799.887.110
Chi phí khác bằng tiền	2.005.190.320	1.432.372.983
Cộng	29.477.270.155	16.881.383.100

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển An Khánh Hưng	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Ayun 2	Công ty con
Công ty Cổ phần Thái Dương Bảo	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thái Dương Tây	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thái Dương Bắc	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Lương và thù lao	2.355.636.980	1.414.555.916
<i>Chi tiết như sau:</i>			
Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Hội đồng Quản trị		1.013.385.649	473.339.621
Ông Trần Văn Ngư	Chủ tịch HĐQT	432.481.715	244.556.273
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên	276.525.032	192.783.348
Ông Phí Văn Thịnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)	304.378.902	12.000.000
Ông Trần Văn Huyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)	-	24.000.000
Ban Tổng Giám đốc		597.100.986	347.388.251
Ông Phạm Minh Ngọc	Tổng Giám đốc	328.748.650	179.877.725
Ông Trần Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc	268.352.336	167.510.526
Ban Kiểm soát		484.434.372	426.317.518
Ông Lưu Văn Hồ	Trưởng ban	222.479.584	151.895.364
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)	36.000.000	75.311.090
Bà Trần Thị Trinh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)	-	24.000.000
Ông Trần Văn Phúc	Thành viên	225.954.788	175.111.064
Người quản lý khác		260.715.973	167.510.526
Ông Đoàn Văn Hiếu	Kế toán trưởng	260.715.973	167.510.526
Cộng		2.355.636.980	1.414.555.916

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin khác

➤ **Tăng vốn điều lệ**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu và trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu và Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 của Hội đồng Quản trị về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 5.670.000 cổ phiếu;
- Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá: 56.700.000.000 đồng;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 50:7 (Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền theo tỷ lệ 50:7. Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền, mỗi cổ đông sở hữu 50 quyền sẽ nhận thêm 07 cổ phần);
- Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 46.170.000 cổ phiếu;
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 461.700.000.000 đồng.

Công ty đang tạm dừng thực hiện đợt phát hành theo Công văn số 4981/UBCK-QLCB ngày 05/09/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc dừng xử lý tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty và Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 27/8/2025 phê duyệt tạm dừng việc thực hiện thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 để triển khai vào thời điểm khác phù hợp hơn.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Để thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại một số khoản mục tại ngày 01/01/2026 trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ như sau:

	Tại ngày 01/01/2026 (Trình bày lại) VND	Tại ngày 31/12/2025 (đã trình bày) VND	Chênh lệch VND
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	3.477.352.000	-	3.477.352.000
Phải trả ngắn hạn khác	64.115.156.439	67.592.508.439	(3.477.352.000)

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Chủ tịch HĐQT

Đoàn Văn Hiếu

Đoàn Văn Hiếu

Trần Văn Ngự